TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/DS-PT
Ngày: 30-6-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư kY phiên tòa: Ông Đặng Minh Huy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1983; cư trú tại: số 18, hẻm 17A, khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây N, tỉnh Tây N; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Phước Y, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 08, khu phố Hiệp Lễ, phường Hiệp N, thành phố Tây N, tỉnh Tây N (theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/10/2021); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Thanh N, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 1508 tỉnh lộ 781, ấp N T, xã Bàu N, huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 1508 tỉnh lộ 781, ấp N T, xã Bàu N, huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Cẩm T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Phước Y trình bày:

Ngày 09-02-2021, bà T vay của ông N số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, có làm hợp đồng vay tiền công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Duy Linh, hai bên thỏa T lãi suất 7%/tháng. Ngày 16/4/2021 bà T trả cho ông N được 200.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 300.000.000 đồng, việc trả tiền gốc 200.000.000 đồng không có lập giấy giao nhận tiền.

Bà T trả tiền lãi cho ông N nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 09-02-2021 khi vay tiền trả tiền lãi trước 70.000.000 đồng;
- Ngày 16-4-2021 trả 1.500.000 đồng;
- Từ ngày 16-5-2021 đến 16-8-2021 trả 03 lần, mỗi lần 15.000.000 đồng.

Tổng cộng trả lãi là 116.500.000 đồng, việc trả lãi như trên không có giấy tờ chứng minh.

Ngày 29-9-2021, ông N đến nhà bà T đòi nợ, bà T chỉ trả được 01 tháng tiền lãi, nợ lại 02 tháng tiền lãi; ông N kêu bà T viết giấy cam kết trả nợ gốc 300.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng, mỗi tháng trả 100.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi 02 tháng còn nợ.

Mức lãi suất đóng cho ông N là cao, vượt mức quy định của pháp luật, nên bà T khởi kiện yêu cầu ông N trả lại tiền lãi đã nhận vượt mức quy định, bà T đồng Y trả cho ông N tiền gốc 300.000.000 đồng sau khi trừ 116.500.000 đồng còn lại là 183.500.000 đồng.

Ngày 06-4-2021, bà T có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu ông N trả tiền lãi 52.334.000 đồng, chỉ yêu cầu trả 64.166.000 đồng.

Ông Vũ Thanh N trình bày:

Ngày 09-02-2021, bà T vay của ông số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, có làm hợp đồng vay tiền công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Duy Linh, về lãi suất hai bên thỏa T 2%/tháng, thỏa T trả 01 lần tiền gốc và tiền lãi khi đến hạn là ngày 09-4-2021 trả 520.000.000 đồng. Đến ngày 09-5-2021 bà T trả 2 bà T trả được 200.000.000 đồng tiền gốc, khi trả tiền không có làm giấy tờ, còn lại 300.000.000 đồng, bà T có hẹn vào tháng 6-2021 sẽ trả hết nợ gốc và tiền lãi còn nợ nhưng bà T không thực hiện.

Nay ông yêu cầu bà T trả 300.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi tính mức lãi suất theo quy định của pháp luật:

+ Số tiền 300.000.000 đồng tính lãi từ ngày 02-9-2021 đến nay;

+ Số tiền 500.000.000 đồng tính lãi từ ngày 09-02-2021 đến ngày 02-9-2021.

Bà Võ Thị T trình bày: Việc bà T vay tiền của ông N bà không biết. Tiền ông N cho bà T Vay là tiền riêng của ông N, đối với tiền bà T còn nợ do ông N quyết định bà không có có kiến.

Bản án sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 07-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh N.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Thanh N số tiền 313.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 13.000.000 đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án; quyền và nghĩa vụ thi hành án; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2022 bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn kháng cáo, yêu cầu ông N trả lại cho bà số tiền lãi ông N thu vượt so với quy định của pháp luật là 64.166.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà T trình bày: bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông N trả lại cho bà tiền lãi bà đã đóng cao hơn so với quy định của pháp luật, cụ thể số tiền 70.000.000 đồng ông N trừ trước 02 tháng tiền lãi chỉ đưa bà số tiền 430.000.000 đồng, đóng lãi 30.000.000 đồng chứng cứ chứng minh là đoạn video bà đã cung cấp cho Tòa án tại cấp sơ thẩm (100.000.000 đồng- 35.834.000 đồng là tiền lãi bà tính theo quy định của pháp luật = 64.166.000 đồng).

Anh Lê Phước Y là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày: thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà T. Ngày vay tiền 09/02/2021 ông N chỉ giao cho bà T 430.000.000 đồng, nhưng không có lập biên bản giao nhận tiền, trong đoạn video chứng minh bà T trả tiền lãi cho ông N được 30.000.000 đồng nên yêu cầu ông N trả cho bà T số tiền bà T đóng lãi cao so với quy định của pháp luật là 64.166.000 đồng.

Ông N trình bày: không đồng Y với yêu cầu kháng cáo của bà T. Ngày vay tiền ông giao cho bà T 500.000.000 đồng ngay sau khi lập hợp đồng và công chứng; không có trừ tiền lãi 70.000.000 đồng và không có nhận tiền lãi 30.000.000 đồng như bà T trình bày.

Y kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư kY phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 07-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; tranh tụng tại phiên tòa; Y kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Xét tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ngày 04-5-2022 bà Nguyễn Thị Cẩm T nộp đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí. Kháng cáo của bà T còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị Cẩm T, yêu cầu ông N trả tiền lãi thu vượt so với quy định của pháp luật là 64.166.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà T thừa nhận có vay tiền của ông N số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 09-02-2021; ông N thừa nhận bà T đã trả được 200.000.000 đồng, còn nợ gốc 300.000.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho ông N số tiền gốc đã vay 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với mức lãi suất: Bà T cho rằng vay lãi suất 7%/tháng; ông N không thừa nhận cho rằng vay lãi suất 2%/tháng, hai bên trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Bà T cho rằng trả cho ông N vào ngày 09/02/2021 là 70.000.000 đồng (do ông N trừ trước 02 tháng tiền lãi), đoạn video bà nộp cho Tòa án chứng minh bà trả tiền lãi được 30.000.000 đồng. Ông N không thừa nhận, cho rằng không có nhận tiền lãi như bà T đã trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông N thừa nhận trong đoạn video là giọng nói của ông và bà T, nhưng cho rằng không đồng Y với cam kết nên không kY tên.

Qua xem xét đoạn video do bà T cung cấp chỉ thể hiện trao đổi giữa các bên về việc ông N đến đòi nợ bà T, không xác định rõ đã trả tiền lãi được bao nhiêu nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T.

Bà T kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

[**5]** Về án phí phúc thẩm: Bà T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 07-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh N.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Thanh N số tiền 313.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 13.000.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.858.000 (mười tám triệu tám trăm năm mươi tám nghìn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.912.500 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0011828 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; bà T còn phải nộp số tiền 15.945.500 đồng.

Ông Vũ Thanh N không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông N số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông N nộp theo Biên lai thu số 0011874 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Lê Phước Y nộp

thay theo Biên lai thu số 0012325 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyền

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây N;
- TAND huyện DMC;
- CCTHADS huyện DMC;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án; lưu trữ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền